

Bản án số: 97/2022/HS-PT
Ngày 29-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Ông Nguyễn Quốc Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 76/2022/TLPT-HS ngày 31 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Thị T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2022/HS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo có kháng cáo: Nguyễn Thị T, sinh ngày 24 tháng 7 năm 1986 tại Quảng Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 22/42 HL, phường HL, quận HB, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Tổ 2, Khu 2, phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy V (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Trần Bá L và 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh ngày 07/4/2019; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn - Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/4/2022; có mặt.

- Ngoài ra còn có 01 bị cáo Nguyễn Quốc H không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 6/2021, Nguyễn Quốc Hsau vài lần thuê anh Phạm Văn Đ xăm hình thì biết được anh Đại có chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH125, biển kiểm sát 34E1-273.36 nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. H đã nói cho Nguyễn Thị T là bạn gái chung sống như vợ chồng với H về ý định của mình thì Thảo đã can ngăn. Sau đó, H vẫn muốn chiếm đoạt chiếc xe của anh Đại nên đã điện thoại hẹn anh Đại đến phòng trọ của H để trả nợ tiền công xăm hình. Đến khoảng 16 giờ ngày 21/6/2021, anh Đại đi xe máy đến nhà trọ ở ngõ 98 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng thì gặp H và Thảo. Tại đây, H hỏi mượn xe của anh Đại để đi gặp mẹ của H xin tiền để trả cho anh Đại. Anh Đại tin là thật nên đồng ý và giao xe cho H. H đi xe ra khỏi nhà trọ rồi điện thoại (bằng sim rác, hiện đã rút đi nên không nhớ số) cho Lê Văn Dũng (chưa xác định được lai lịch cụ thể) và rủ Dũng cùng chiếm đoạt xe của anh Đại, Dũng đồng ý. H đến đón Dũng và chở Dũng đến khu vực nhà số 177 Ngô Gia Tự, phường Đằng Lâm, quận Hải An, Hải Phòng rồi cho Dũng xem ảnh của anh Đại và dặn nếu thấy anh Đại đến thì báo cho H để H quay lại phòng trọ đón Thảo. Tiếp đó, H điện thoại cho anh Đại bảo đến nhà số 177 Ngô Gia Tự để gặp mẹ của H nói chuyện với mục đích là để anh Đại rời khỏi phòng trọ. Anh Đại tin là thật nên đã thuê xe taxi đi đến điểm hẹn; còn H đi xe đến nhà Nguyễn Tuấn A (tức Tuấn lác các) ở số 700 Nguyễn Văn Linh, phường Nghĩa Xá, Quận Lê Chân, Hải Phòng để nhờ tìm người cầm cố xe. Nguyễn Tuấn A liên lạc với 01 nam giới tên Tuấn (chưa xác định được lai lịch cụ thể) để giới thiệu cầm cố xe cho H.

Khoảng 17h00' cùng ngày, H chở Nguyễn Tuấn A ra khu vực bờ đê Vĩnh Niệm để gặp Tuấn, sau khi xem xe thì Tuấn đồng ý cầm cố xe với giá 20.000.000 đồng và đưa trước cho H 15.000.000 đồng. Sau khi cầm cố xe máy của anh Đại thì H điện thoại thông báo cho Thảo biết và bảo Thảo dọn đồ chờ H về đón. Thảo đồng ý. H thuê xe taxi về đón Thảo và con trai của Thảo là Trần Bá Toàn đi thuê nhà nghỉ để trốn tránh anh Đại. Khi đi ngang qua nhà Nguyễn Tuấn A thì H đưa cho Thảo 1.000.000 đồng và bảo Thảo đi thuê nhà nghỉ trước, còn H vào gặp Nguyễn Tuấn A để lấy nốt tiền cầm cố xe còn lại. H cho Nguyễn Tuấn A 500.000 đồng, cho Dũng 5.000.000 đồng, số tiền còn lại H đã ăn tiêu cá nhân hết. Sau đó, H nhắn tin thông báo cho anh Đại biết việc H đã cầm cố xe.

Khoảng 12h ngày 22/6/2021, H bảo Dũng sử dụng số điện thoại 0327419134 gọi vào số điện thoại 0816692929 của anh Đại nhận là người đã cầm cố xe máy cho H. Còn H nhắn tin bằng số điện thoại trên với anh Đại để thống nhất việc sẽ cho chuộc xe với giá 35.000.000 đồng và yêu cầu anh Đại chuyển trước 5.000.000 đồng vào tài khoản 030028772668 của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín mang tên Nguyễn Thị Mai Hương, sinh năm 1990, nơi thường trú: Khu Ao Vèn, Định Quả, Thanh Sơn, Phú Thọ (là bạn quen biết xã hội với H). Sau khi anh Đại chuyển tiền theo yêu cầu của H thì H tắt điện thoại và nhờ Hương rút tiền đưa lại cho mình.

Nguyễn Thị T khai nhận: Thảo và H chung sống với nhau như vợ chồng tại phòng trọ trong ngõ 98 Khúc Thừa Dụ, phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Hải Phòng. Khoảng 3 - 4 ngày trước đó, H nói với Thảo về ý định chiếm đoạt xe máy của anh Đại thì Thảo đã can ngăn. Đến khoảng 16 giờ ngày 21/6/2021, H gọi điện cho anh Đại đến phòng trọ để trả nợ tiền xăm hình, khi anh Đại đến thì H hỏi mượn chiếc xe máy SH125 biển kiểm soát 34E1 - 273.36 để đi gặp mẹ xin tiền trả nợ, anh Đại đồng ý và giao xe cho H. H đi được khoảng 15 phút thì anh Đại nhờ Thảo gọi xe taxi để đi đến chỗ H. Thảo có hỏi anh Đại về việc H chưa về, thì anh Đại nói là H bảo anh Đại đến chỗ của H. Anh Đại đi được một lúc thì H gọi điện nói là đã cầm xe của anh Đại và đã đón con riêng của Thảo, đồng thời bảo Thảo dọn đồ đi không thì anh Đại quay lại. Thảo đồng ý dọn đồ rồi ra xe taxi đi cùng H. Khi đi ngang qua nhà Nguyễn Tuấn A thì H bảo Thảo ngồi trên xe chờ để H vào nhà Nguyễn Tuấn A, một lát sau H quay ra đưa cho Thảo 1.000.000 đồng bảo đi thuê nhà nghỉ. Việc H cầm cố xe như thế nào thì Thảo không biết và H cũng không bàn bạc gì với Thảo về việc chiếm đoạt xe, chỉ sau khi H cầm cố xe của anh Đại rồi điện thoại nói với Thảo thì Thảo mới biết. Thảo không bị ai đe dọa hay ngăn cản nhưng do Thảo và H đang ăn ở chung với nhau nên đã không tố giác hành vi phạm tội của H.

Bản kết luận định giá tài sản số 134/KL- ĐGTTHS ngày 22/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận Lê Chân kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe máy SH 125 biển kiểm soát 34E1-273.36 là 79.300.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 62/2022/HS-ST, ngày 21/7/2022, Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù về tội Không tố giác tội phạm. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi chấp hành án. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 25/7/2022, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo đề nghị được hưởng án treo vì bị cáo đang nuôi hai con nhỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo phạm tội Không tố giác tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự là đúng. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo là nặng vì tại thời điểm phạm tội bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và hiện tại bị cáo một mình phải nuôi hai con nhỏ. Nếu bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không có ai nuôi con cho bị cáo vì bố bị cáo đã chết, mẹ bị cáo thì già yếu, chồng thứ hai của bị cáo đang chấp hành hình phạt tù. Do vậy, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc hai con nhỏ.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của bị cáo Thảo: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bị cáo phạm tội Không tố giác tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 390 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Xét thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, nhận thức được hành vi phạm tội của mình, thành khẩn khai báo; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình Biên lai đã nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm và đơn trình bày về điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, một mình bị cáo phải nuôi hai con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng thêm khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Không tố giác tội phạm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T đúng thủ tục, trong thời hạn luật định, đúng với quy định tại các Điều 332, 333 và 334 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đơn kháng cáo của bị cáo là hợp pháp, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

- Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị T.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị cáo khai, lúc đầu khi H nói với bị cáo ý định chiếm đoạt xe máy của anh Đại thì bị cáo Thảo đã can ngăn. Tuy nhiên, sau đó H không nghe theo lời can ngăn của bị cáo mà tự mình thực hiện hành vi chiếm đoạt xe máy của anh Đại. Sau khi chiếm đoạt được xe máy của anh Đại, H mới thông báo cho bị cáo biết và bảo sẽ đón bị cáo và con riêng của bị cáo rời khỏi nhà trọ tránh sự phát hiện của anh Đại. Thời điểm này bị cáo Thảo biết nhưng vì đang sống chung như vợ chồng với H nên bị cáo đã không tố giác hành vi phạm tội của H với cơ quan có thẩm quyền. Hiện bị cáo đang nuôi hai con nhỏ khác cha, con lớn 12 tuổi, con nhỏ mới được 03 năm 05 tháng tuổi, nếu bị cáo phải đi cải tạo thì không có ai chăm sóc các con nhỏ. Thời điểm H thông báo cho bị cáo đã chiếm đoạt xe máy của anh Đại thì sự việc đã xảy ra rồi, mặt khác lại đang chung sống với H nên phần nào cũng ảnh hưởng đến quyết định tố giác của bị cáo. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Thảo đã nộp thêm Đơn trình bày hoàn cảnh bị cáo đang phải nuôi hai con nhỏ có xác nhận của chính quyền địa phương, đơn xác nhận của Công an phường Quang Hanh về nơi cư trú hiện tại của bị cáo và Biên lai đã nộp án phí hình sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo về tội danh là đúng quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 390

của Bộ luật Dân sự). Tuy nhiên, xét thấy, bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, chưa có tiền án, tiền sự; lần này phạm tội là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét hoàn cảnh phạm tội, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện tại một mình phải nuôi hai con nhỏ; xét tính chất vụ án và mức độ phạm tội của bị cáo có thể cho bị cáo được cải tạo ở ngoài xã hội cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung (điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự). Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo – Điều 65 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm - Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T; sửa Bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

2. Xử phạt Nguyễn Thị T 06 (Sáu) tháng tù về tội Không tố giác tội phạm nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Quang Hanh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự :

“1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách”.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án số 62/2022/HS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích án treo)

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- Cục THADSTP. Hải Phòng;
- VKSND Quận Lê Chân;
- PV06 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT Quận Lê Chân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cơ quan THAHS Quận Lê Chân;
- TAND Quận Lê Chân;
- Sở Tư pháp TP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

Trần Minh Phương